

Thực trạng và một số giải pháp nâng cao kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Tiền Tú Anh^{*1}, Trần Thị Hải Yến²,
Võ Thị Hoài Hương³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: tientuanh@gmail.com

² Email: haiyencdsprvt@yahoo.com.vn

³ Email: huong.spbr@gmail.com

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu
Số 689 - đường Cách Mạng Tháng Tám,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,
Việt Nam

TÓM TẮT: Hiện nay, ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở đào tạo, sinh viên và người lao động phải trang bị cho mình để đáp ứng được yêu cầu về học tập, công việc. Để nâng cao kĩ năng này cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu trong những năm tới, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi với 168 sinh viên đang học năm thứ hai tại trường, thời gian khảo sát trong hai tuần đầu của tháng 5 năm 2023 và phân tích thực trạng về ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong vài năm gần đây, từ đó đề ra một số giải pháp cần thực hiện như: Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học; Điều chỉnh chương trình đào tạo, để cương chi tiết một số môn học; Tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giảng viên tổ Công nghệ thông tin và tổ Mầm non; Tổ chức đi dự giờ một số hoạt động có ứng dụng công nghệ thông tin thực tế tại trường mầm non. Các giải pháp này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non trong tương lai.

TỪ KHÓA: Sinh viên, Giáo dục mầm non, ứng dụng công nghệ thông tin, thực trạng, giải pháp.

→ Nhận bài 29/5/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 30/6/2024 → Duyệt đăng 20/8/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410811>

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Theo đó, mục tiêu chung là tận dụng những tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số [1].

Ngày nay, kĩ năng công nghệ thông tin là một trong những kĩ năng bắt buộc nằm trong chuẩn đầu ra của các ngành tại các trường đại học và cao đẳng, trong đó đòi hỏi sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường phải biết vận dụng kiến thức công nghệ thông tin đã học vào trong ngành nghề của mình. Thực tế đã có một số bài viết trên các tạp chí như Tạp chí Giáo dục [2], Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam [3], nghiên cứu về thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên, các tác giả đã đề cập đến

các giải pháp về đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng tài liệu tự học cho sinh viên, tích cực tạo ra các sân chơi liên quan đến công nghệ thông tin như câu lạc bộ tin học, tham gia các kì thi về công nghệ thông tin... Tuy nhiên, hầu hết tác giả chưa đề cập đến vai trò của các tổ chuyên môn liên quan trong nhà trường có ảnh hưởng đến kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên như thế nào, trong khi các tổ chuyên môn thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo nếu thấy không phù hợp, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật kiến thức mới vào trong bài giảng, lên kế hoạch để sinh viên có thể tham quan dự giờ tiết dạy mẫu ngoài thực tế ở các trường mầm non.

Để làm rõ vấn đề cần nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi (sử dụng công cụ Google Forms để thu thập thông tin) với 168 sinh viên ngành Giáo dục mầm non năm thứ hai sau khi hoàn thành đợt thực tập sư phạm. Ngoài ra, chúng tôi còn phân tích tài liệu liên quan về chương trình đào tạo và các báo cáo tổng kết thực tập sư phạm của những năm gần đây. Với tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông

tin trong hoạt động rèn nghề, làm sao để sinh viên vận dụng tốt trong các môn học cũng như đi thực tập sư phạm ở các cơ sở giáo dục thật tự tin về lĩnh vực này, đó là lí do mà chúng tôi muốn đề cập đến trong bài viết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số lí luận liên quan đến kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

2.1.1. Một số khái niệm

Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kĩ thuật hiện đại - chủ yếu là kĩ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm tàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội [4].

Ứng dụng công nghệ thông tin là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này [5].

Kĩ năng, có nhiều quan điểm, góc nhìn khác nhau nhưng nhìn chung có một số cách hiểu như sau: Kĩ năng là thói quen áp dụng vào thực tiễn những kiến thức đã học hoặc là những kết quả của quá trình luyện tập [6]; Kĩ năng là năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể của quá trình luyện tập [7]; Kĩ năng là cách thức cơ bản để chủ thể thực hiện hành động, thể hiện bởi tập hợp những kiến thức đã thu lượm được, những thói quen và kinh nghiệm [8].

Kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non có thể hiểu là năng lực sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động trong học

tập như nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá, thực tập sư phạm... để có được kết quả nhất định.

2.1.2. Nội dung học phần Tin học cho ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Học phần Tin học được giảng dạy ở học kì 3 (trước khi sinh viên đi thực tập) gồm 4 tín chỉ (90 tiết), trong đó phần I: 2 tín chỉ (45 tiết) ôn tập tin học căn bản (6 module theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT) [9] và phần II: 2 tín chỉ (45 tiết) dạy về ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non (xem Bảng 1), học phần đáp ứng 2 chuẩn đầu ra của ngành Giáo dục mầm non là: “Có trình độ tin học đạt chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản” và “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên mầm non”.

2.2. Kết quả khảo sát việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động rèn nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

2.2.1. Mô tả khái quát về khảo sát

a. Mục tiêu khảo sát

Đánh giá thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động rèn nghề của sinh viên hiện nay để làm cơ sở xây dựng một số giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên được hiệu quả hơn.

b. Phương pháp khảo sát

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi (sử dụng công cụ Google Forms để thu thập thông tin) với 168 sinh viên ngành Giáo dục mầm non đang học năm thứ hai tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu; thời

Bảng 1: Nội dung học phần Tin học trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non áp dụng từ năm 2020 đến năm 2022 [10]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tổng	
	Lên lớp					
	Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		Tự học, tự nghiên cứu
Phần I	15		5	25	90	135
Ôn tập 6 module theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT [9]	15		5	25	90	135
Phần II	15		5	25	90	135
Chương 1: Giới thiệu về Tin học và các ứng dụng trong Giáo dục mầm non	2		1		6	9
Chương 2: Thiết kế bài giảng và trò chơi bằng Powerpoint	6		1	10	34	51
Chương 3: Một số phần mềm hỗ trợ xây dựng tài nguyên trong dạy học mầm non	5		1	10	32	48
Chương 4: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học theo lĩnh vực	2		2	5	18	27
Tổng	25		10	60	90	135

gian khảo sát trong 2 tuần đầu của tháng 5 năm 2023 sau khi hoàn thành đợt thực tập sư phạm.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Phân tích tài liệu liên quan về chương trình đào tạo và các báo cáo tổng kết thực tập sư phạm của những năm gần đây.

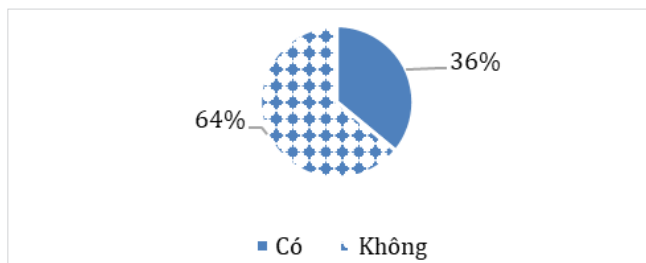
Phương pháp thống kê toán học: Trình bày và phân tích kết quả nghiên cứu theo các số liệu và vẽ các sơ đồ, biểu bảng.

2.2.2. Kết quả khảo sát

Qua việc khảo sát sinh viên, qua báo cáo tổng kết thực tập sư phạm của các cơ sở hướng dẫn thực tập và qua quá trình tham gia giảng dạy, chúng tôi đưa ra một số thực trạng sau:

a. Việc sinh viên hạn chế về công cụ học tập là một trong các rào cản ứng dụng công nghệ thông tin ở các môn học

Kết quả khảo sát sinh viên trong Câu hỏi 1: “Bạn có sở hữu cho riêng mình một máy vi tính?” với 168 sinh viên cho kết quả như sau (xem Hình 1):



Hình 1: Kết quả khảo sát Câu hỏi 1

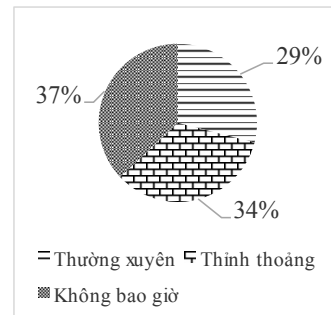
Kết quả trên cho thấy, có 108 (64%) sinh viên ngành Giáo dục mầm non không có máy tính riêng để phục vụ học tập. Hầu hết sinh viên đều có điện thoại thông minh và biết truy cập Internet thông qua các thiết bị di động để tham gia các lớp học trực tuyến, liên lạc trao đổi thông tin bài giảng và tìm kiếm tài liệu học tập. Tuy nhiên, thiết bị di động lại không đáp ứng kì vọng của sinh viên trong việc thiết kế soạn bài giảng hoặc video trình chiếu dạy học vì thiếu một số phần mềm và công cụ hỗ trợ.

Đa số sinh viên đều nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn luyện kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin và có cố gắng phát triển kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin mà giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hành trong học phần Tin học. Tuy nhiên, vì không có máy vi tính nên sau khi học xong học phần Tin học, sinh viên không có cơ hội rèn luyện kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên, dẫn đến khi gặp phải tình huống cần thiết sử dụng công nghệ thông tin, các em thường luống cuống. Trong các học phần chuyên ngành đòi hỏi yêu cầu chuẩn bị về bài giảng trình chiếu, sinh viên thiếu sự tự giác học tập khi sử dụng phần mềm, công nghệ. Tâm lí ỷ lại vào bạn có máy tính dẫn đến

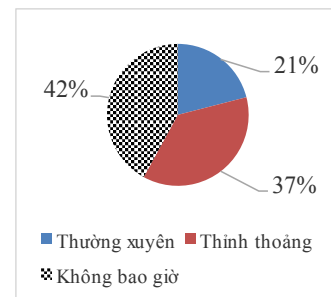
sự sao nhãng mất tập trung trong quá trình rèn luyện kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin.

b. Giảng viên chưa tạo ra nhiều cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức đã học về công nghệ thông tin vào thực tế các môn học

Với khảo sát sinh viên trong Câu hỏi 2: “Giảng viên có yêu cầu bạn ứng dụng công nghệ thông tin trong các môn học chuyên ngành?” Câu hỏi 3: “Bạn có thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong các môn học chuyên ngành?”, chúng tôi thống kê kết quả như sau:



Hình 2: Kết quả khảo sát Câu hỏi 2



Hình 3: Kết quả khảo sát Câu hỏi 3

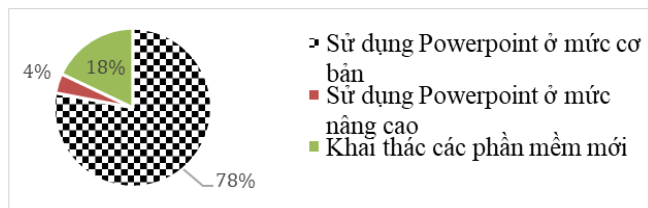
Câu hỏi 2 (xem Hình 2) có 48 (29%) sinh viên trả lời giảng viên thường xuyên và 57 (34%) sinh viên trả lời giảng viên thỉnh thoảng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các môn học chuyên ngành. Kết quả này cho thấy, một số giảng viên chưa quan tâm nhiều đến nội dung cần trau dồi kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên được thực hành ngay trong môn học của mình. Một số đội ngũ giảng viên của nhà trường đã ý thức được việc ứng dụng công nghệ thông tin và bước đầu đã vận dụng được trong thiết kế bài giảng điện tử. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, chưa tập trung vào việc rèn luyện kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên bằng các tình huống học tập hoặc yêu cầu có ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá sinh viên.

Câu hỏi 3 (xem Hình 3) có 35 sinh viên (21%) thường xuyên và 62 sinh viên (37%) thỉnh thoảng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các môn học chuyên ngành. Kết quả này phản ánh thực trạng sinh viên chưa có nhiều cơ hội và chưa ràng buộc yêu cầu phải ứng dụng công nghệ thông tin trong môn học.

Ngoài ra, chúng tôi kiểm tra chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non mặc dù đã được chỉnh sửa và ban hành gần đây nhất vào tháng 9 năm 2023 [10], có 28/46 học phần thuộc nhóm môn học chuyên ngành nhưng chỉ có 8/28 học phần có đóng góp xây dựng nội dung môn học liên quan đến chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo về “Trình độ Tin học và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên mầm non”. Tuy nhiên, đề cương chi tiết của 8 học phần kể trên thì chỉ có 2/8 học phần có đưa ra tiêu chí đánh giá về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động rèn nghề trong nội dung đánh giá môn học và chiếm tỉ lệ 10% của thang điểm.

c. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục còn nhiều hạn chế khi đi thực tập

Kết quả khảo sát sinh viên trong Câu hỏi 4: “Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào bài dạy khi đi thực tập sư phạm” thể hiện trong Hình 4.



Hình 4: Kết quả khảo sát Câu hỏi 4

Có 131 sinh viên (78%) sử dụng bài trình chiếu trên Powerpoint, 7 sinh viên (4%) khai thác kỹ thuật nâng cao trong powerpoint và 30 sinh viên (18%) kết hợp các phần mềm khác trong giảng dạy. Sinh viên chủ yếu chỉ dừng lại ở soạn những bài trình chiếu đơn thuần trên powerpoint, tiết dạy chưa khai thác công cụ nâng cao của một bài trình chiếu, chưa kết hợp nhiều với các phần mềm giáo dục khác để người học có thể tự đánh giá kết quả học hoặc thúc đẩy hoạt động tự học, tự nghiên cứu, cũng như khả năng tự tìm kiếm những kiến thức mới từ bài học. Trong báo cáo tổng kết thực tập sư phạm của các cơ sở hướng dẫn thực tập những năm gần đây đều có chung nhận xét một trong các mặt hạn chế của sinh viên là: “Việc ứng dụng công nghệ thông tin ở một số tiết dạy chưa hiệu quả” [11].

Nguyên nhân của những hạn chế: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên nhưng có thể kể đến một số nguyên nhân chính sau: Chương trình học phần Tin học đã lạc hậu so với yêu cầu thực tế khi mà ngành Giáo dục đang tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học; Một số học phần thuộc nhóm chuyên ngành chưa chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá kết quả môn học; Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan

trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động rèn nghề.

2.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Giải pháp 1: Tiếp tục nâng cao nhận thức cho giảng viên và sinh viên về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học.

Mục đích: Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Nội dung: Nhà trường tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đến giảng viên, sinh viên thông qua các buổi chào cờ trường, họp cơ quan, sinh hoạt chuyên môn, trang thông tin điện tử của trường... Tiếp theo, hằng năm nhà trường nên thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý như tổ chức bồi dưỡng kĩ năng giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá trực tuyến cho giảng viên, tổ chức bồi dưỡng kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy cho cán bộ quản lý và giảng viên.

Ngoài ra, nhà trường cần phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập để giảng viên và sinh viên có thể dạy và học trên môi trường số như nâng cấp hạ tầng Internet, wifi, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý nội dung học tập (Learning Management System - LMS) để tổ chức dạy và học theo hình thức dạy học kết hợp.

Giải pháp 2: Điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết một số môn học liên quan đến khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với sinh viên.

Mục đích: Bổ sung nội dung về “năng lực số” vào chương trình dạy học cho sinh viên. Đồng thời, bổ sung thêm tiêu chí đánh giá về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong một số môn học chuyên ngành để khích lệ sinh viên tích cực vận dụng kiến thức công nghệ thông tin đã học vào trong các môn học.

Nội dung: Thứ nhất, tổ Tin học cần điều chỉnh nội dung học phần Tin học bằng cách bổ sung nội dung dạy về “năng lực số” cho các ngành trong đó có ngành Giáo dục mầm non cụ thể như sau: Với thời lượng 45 tiết (15 tiết lí thuyết và 30 tiết thực hành) của phần I trong học phần Tin học thuộc chương trình đào tạo nên dành 5 tiết lí thuyết và 2 tiết thảo luận để giới thiệu, thảo luận về chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong Giáo dục mầm non nói riêng; tìm hiểu một số năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên mầm non theo Khung năng lực số dành cho nhà giáo dục của UNICEF [12], giúp sinh

viên nhận ra những yêu cầu, thách thức và cả cơ hội của ngành trong bối cảnh chuyển đổi số. Ngoài ra, dành 10 tiết thực hành về một số kỹ năng cụ thể trong các năng lực số mà cán bộ quản lý và giáo viên mầm non cần có. Từ đó, định hướng cho sinh viên xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng năng lực số cho riêng mình để có thể đáp ứng yêu cầu năng lực số trong Giáo dục mầm non. Như vậy, nội dung phần II giữ nguyên và phần I điều chỉnh lại như sau (xem Bảng 2).

Thứ hai, trong đề cương chi tiết một số môn học chuyên ngành cần bổ sung thêm đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo về “*trình độ tin học và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên mầm non*” vì hiện tại có 8/28 học phần thực hiện điều này là quá ít.

Thứ ba, đề cương chi tiết môn học cũng cần đưa ra các tiêu chí đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong thang điểm đánh giá kết quả môn học với tỉ lệ chiếm khoảng 10% thang điểm đánh giá để buộc sinh viên phải ứng dụng công nghệ thông tin nếu muốn kết quả môn học cao.

Thứ tư, muốn sinh viên có khả năng vận dụng tốt kiến thức công nghệ thông tin trong các môn học thì chính giảng viên phụ trách môn học phải là người làm mẫu trong vấn đề này. Giảng viên là người vận dụng trước, minh họa, giới thiệu các phần mềm lên quan có thể vận dụng một cách hiệu quả trong môn học. Sau đó, đưa ra các yêu cầu trong bài tập, nội dung thực hành cho sinh viên.

Giải pháp 3: Đầu mỗi năm học, giảng viên tổ Tin học cần phối hợp với giảng viên tổ Mầm non sinh hoạt chuyên môn về ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

Mục đích: Chia sẻ, trao đổi một số nội dung đổi mới về ứng dụng công nghệ thông tin đang thực hiện ở các cơ sở mầm non, từ đó bàn về giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

Nội dung: Buổi sinh hoạt chuyên môn thảo luận về các nội dung kiến thức tin học mới; trao đổi về các phần

mềm hỗ trợ dạy học hiệu quả đang được ứng dụng trong thực tế tại các cơ sở mầm non; giới thiệu các nguồn tư liệu điện tử miễn phí để tạo bài giảng điện tử, từ đó bàn luận về một số giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Qua đó, giảng viên tổ Mầm non cũng hiểu rõ được nội dung chương trình mà sinh viên đã học được ở học phần Tin học; đồng thời tích cực chủ động đưa ra yêu cầu khuyến khích thực hành ứng dụng công nghệ thông tin cụ thể trong từng môn phương pháp hoặc tổ chức các cuộc thi ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế giáo án điện tử. Điều này tạo ra môi trường và cơ hội luyện tập kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tế tổ chức các hoạt động ở trường mầm non. Qua sinh hoạt chuyên môn cũng tạo cơ hội để giảng viên tổ Tin học chia sẻ cách sử dụng các phần mềm, các kỹ thuật trong thiết kế bài giảng điện tử, đồng thời cập nhật vào trong đề cương chi tiết học phần Tin học những yêu cầu về đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin cho chuyên ngành Giáo dục mầm non.

Giải pháp 4: Tổ chức cho sinh viên đi dự giờ một số hoạt động có ứng dụng công nghệ thông tin thực tế tại trường mầm non.

Mục đích: Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin đối với nghề giáo viên mầm non, từ đó tạo động lực để học tốt hơn ngay từ lúc đang học ở trường.

Nội dung: Tổ chức dự giờ tại trường mầm non là cơ hội để sinh viên có cái nhìn thực tế nhất về những hoạt động đang diễn ra trong một lớp học mầm non.

Có những nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non cần cập nhật thực tế tại các cơ sở Giáo dục mầm non. Vì vậy, việc cho sinh viên đi tham quan dự giờ thực tế là cần thiết và nên được thực hiện song song cùng với quá trình học các bộ môn phương pháp chuyên ngành Giáo dục mầm non. Đầu học kì, giảng viên nên trao đổi với một số trường mầm non trong địa bàn thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu để lên kế hoạch cụ thể và việc dự giờ này nên thực hiện ít nhất 1 lần đối với mỗi khóa.

Bảng 2: Kế hoạch tự bồi dưỡng năng lực

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành		
Phần I	15	5	25	90	135
Chương 1: Ôn tập 6 module theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT [9].	10	3	15	56	84
Chương 2: Một số khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, chuyển đổi số trong Giáo dục mầm non.	4	2		12	18
Chương 3: Một số năng lực số của cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.	1		10	22	33

3. Kết luận

Từ việc nhận thức đúng đắn và sâu sắc về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học nói chung và ngành Giáo dục mầm non nói riêng, chúng tôi nghiên cứu và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin

cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu trên cơ sở những hạn chế đang tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới Giáo dục mầm non hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, (25/01/2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [2] Phạm Xuân Nguyên - Phạm Thị Thanh - Bùi Thị Tuyết, (2024), *Thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên tại Trường Đại học Hoa Lư*, Tạp chí Giáo dục, số 24 (số đặc biệt 3), tr.281-285.
- [3] Phan Thị Tình, (06/2021), *Phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học ở trường sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 42, tr.28-33.
- [4] Chính phủ, (04/08/1993), *Nghị quyết số 49/CP về Phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 90*.
- [5] Quốc hội, (29/06/2006), *Luật Công nghệ thông tin - Luật số 67/2006/QH11*.
- [6] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Ngôn ngữ học, (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ Hà Nội.
- [7] Vũ Dũng, (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội.
- [8] Petrovski, A.V, (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, (Đỗ Văn dịch, NXB Giáo dục Hà Nội).
- [9] Bộ Thông tin và Truyền thông, (11/3/2014), *Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin*.
- [10] Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*, <http://cdspbrvt.edu.vn/chitiettin.aspx?matin=4082&manhom=17>.
- [11] Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, *Các báo cáo tổng kết thực tập sư phạm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022*.
- [12] UNICEF, (2022), *Educators' Digital Competency Framework*, Regional Office for Europe and Central Asia (ECARO).

REALITY AND MEASURES TO ENHANCE THE SKILL OF APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY FOR STUDENTS MAJORING IN EARLY CHILDHOOD EDUCATION AT BA RIA - VUNG TAU COLLEGE OF EDUCATION

Tien Tu Anh*¹, Tran Thi Hai Yen²,
Vo Thi Hoai Huong³

* Corresponding author

¹ Email: tientuanh@gmail.com

² Email: haiyencdspbbrvt@yahoo.com.vn

³ Email: huong.spbr@gmail.com

Ba Ria - Vung Tau College of Education
No. 689 - Cach Mang Thang Tam street,
Ba Ria city, Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam

ABSTRACT: *The application of information technology is not only a trend but also a mandatory requirement for training institutions. Students and workers must equip themselves with this skill for the sake of their learning and career prospects. To improve this skill for students majoring in Early childhood education at Ba Ria - Vung Tau College of Education in the coming years, we conducted a questionnaire survey with 168 second-year students in our college in the first two weeks of May 2023 to analyze the current reality of students' information technology application. Several solutions that need to be implemented have been proposed, such as continuously increasing lecturers' and students' awareness about the role and importance of information technology application in teaching and learning activities, making adjustments to the training program and unit descriptions of several subjects, organizing professional activities between lecturers of the Information technology group and the Early childhood education group, and making observations of activities with practical application of information technology at kindergartens. These measures contribute to improving the quality of training for future early childhood teachers.*

KEYWORDS: Students, Early Childhood Education, information technology application, reality, measures.